

Số: 385/VEAM-VPHĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- **Tên công ty:** TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP (VEAM)
- **Mã chứng khoán:** VEA
- **Trụ sở chính:** Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.62800802 Fax: 024.62800809
- **Người thực hiện công bố thông tin:** Lê Minh Quy - Phó Tổng giám đốc
Địa chỉ: Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.62800802 Fax: 024.62800809
- **Loại thông tin công bố:** 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
- **Nội dung thông tin công bố:** Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của VEAM

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của VEAM được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VEAM và sẽ được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, tại đường dẫn dưới đây:

<http://veamcorp.com/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong-118.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /x

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

Người thực hiện công bố thông tin 


Lê Minh Quy

Tài liệu đính kèm:

- Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của VEAM.



VIETNAM ENGINE AND AGRICULTURAL MACHINERY CORPORATION

Head office: VEAM building, lot D, area D1, Phu Thuong, Tay Ho, Hanoi, Vietnam

Tel: +84-24-62800802; Fax: +84-24-62800809; Website: <http://www.veamcorp.com>

**THƯ MỜI
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi Quý cổ đông:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Mã cổ đông:

Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2021:

1. Thời gian: **07h30 ngày 25 tháng 6 năm 2021 (thứ Sáu).**

2. Hình thức: **Họp trực tuyến và biểu quyết trực tuyến (bỏ phiếu điện tử).**

3. Đối tượng dự họp: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần VEAM tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 28/5/2021. Trường hợp cổ đông không thể tham dự họp có thể ủy quyền để người khác dự họp thay (theo mẫu Giấy ủy quyền đính kèm).

4. Tài liệu họp ĐHĐCĐ: VEAM sẽ đăng tải/công bố/cập nhật các tài liệu liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ tại địa chỉ website: <http://veamcorp.com/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong-118.html> kể từ ngày 04/6/2021.

5. Một số lưu ý:

a) Quý Cổ đông tham dự họp trực tuyến ĐHĐCĐ vui lòng đọc kỹ hướng dẫn và tuân thủ các quy định tại Quy chế tổ chức họp trực tuyến ĐHĐCĐ và biểu quyết trực tuyến (bỏ phiếu điện tử) của VEAM.

b) Quý cổ đông tham dự họp Đại hội và biểu quyết trực tuyến thông qua Internet, cụ thể:

- *Bước 1:* Quý cổ đông sử dụng một trong các thiết bị: máy tính bàn/máy tính xách tay/máy tính bảng/điện thoại thông minh có kết nối Internet.

- *Bước 2:* Quý cổ đông truy cập vào website: <http://veamcorp.com/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong-118.html> để tham dự theo thông tin đăng nhập dưới đây (*):

Tên đăng nhập: xxxxxxxxx

Mật khẩu: xxxxxxxxx

c) Nhằm tuân thủ các quy định và bảo đảm an toàn về công tác phòng, chống dịch Covid-19, VEAM đề nghị Quý Cổ đông tham dự họp và biểu quyết trực tuyến tại website nêu trên.

d) Quý Cổ đông vui lòng gửi Giấy ủy quyền, nội dung góp ý hoặc các câu hỏi (nếu có) về Ban Tổ chức Đại hội chậm nhất **trước 17h00' ngày 23/6/2021** để tổng hợp.

e) Chi tiết xin liên hệ bà Nguyễn Thị Thanh Tú, Chuyên viên Văn phòng HĐQT. Điện thoại: (84-24) 62800802 số máy lẻ (217); fax: (84-24) 62800809; Email: daihoicodongveam@veamcorp.com.

Quý Cổ đông vui lòng thường xuyên cập nhật thông tin về cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 trên website của VEAM theo đường dẫn nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VP HĐQT.



Nguyễn Khắc Hải

(*): Quý cổ đông có trách nhiệm bảo mật thông tin đăng nhập của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. VEAM không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Kính gửi: Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Tên tôi là:.....

Đại diện theo Pháp luật của Công ty (nếu là tổ chức):.....

Số CMND/CCCD/ĐKKD:.....; Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....; Số điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

Tổng số cổ phần sở hữu:.....cổ phần (Bằng chữ:.....

.....cổ phần)

Nay Tôi ủy quyền cho Ông (Bà):.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....; Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....; Số điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

Email (để nhận tài khoản tham dự họp):.....

Hoặc ủy quyền cho Người có tên dưới đây (Quý Cổ đông tích dấu X vào 01 người mà cổ đông muốn ủy quyền)

STT	Họ tên	Chức vụ	Ủy quyền
1	Ông Nguyễn Khắc Hải	Chủ tịch HĐQT VEAM	<input type="checkbox"/>
2	Ông Phan Phạm Hà	Thành viên HĐQT, TGD VEAM	<input type="checkbox"/>

Số cổ phần ủy quyền:.....cổ phần (Bằng chữ:.....

.....cổ phần).

Người được Tôi/Công ty ủy quyền sẽ thay Tôi/Công ty tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) tổ chức vào ngày **25/6/2021** và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của VEAM.

Tôi/Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết không khiếu nại về kết quả biểu quyết của người được Tôi/Công ty ủy quyền trên đây./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN THEO NHÓM

**THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Hôm nay, ngày....., tại

Chúng tôi là những cổ đông của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) có tên trong danh sách được gửi kèm theo Giấy ủy quyền này, cùng nhất trí ủy quyền cho Ông (Bà):.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại:.....

Email (để nhận tài khoản tham dự họp):.....

Hoặc ủy quyền cho Người có tên dưới đây (Quý Cổ đông tích dấu X vào 01 người mà cổ đông muốn ủy quyền):

STT	Họ tên	Chức vụ	Ủy quyền
1	Ông Nguyễn Khắc Hải	Chủ tịch HĐQT VEAM	<input type="checkbox"/>
2	Ông Phan Phạm Hà	Thành viên HĐQT, TGD VEAM	<input type="checkbox"/>

Người được Chúng tôi ủy quyền sẽ thay chúng tôi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP tổ chức vào ngày **25/6/2021** và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của VEAM.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết không khiếu nại về kết quả biểu quyết của người được chúng tôi ủy quyền trên đây./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Đã ký tên trong danh sách kèm theo)

.....

.....



TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

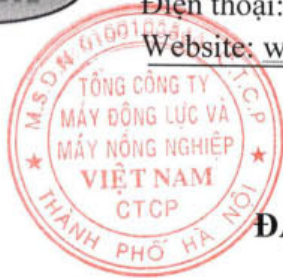
Trụ sở chính: Lô D, Khu D1, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: +84-24-6280 0802

Fax: +84-24-6280 0809

Website: www.veamcorp.com

Email: office@veamcorp.com



HƯỚNG DẪN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) xin gửi tới Quý Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông hướng dẫn đăng nhập, biểu quyết tại hệ thống tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến như sau:

1. Đăng nhập vào hệ thống tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Để tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP, Quý Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông vui lòng truy cập vào website <https://veamcorp.com/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong> và đăng nhập bằng tài khoản đã được gửi trong Thư mời họp của Quý Cổ đông.

Hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được **mở kể từ 08h00 ngày 24 tháng 6 năm 2021** cho đến khi Ban Chủ tọa thông báo kết thúc nội dung biểu quyết hoặc kết thúc Đại hội.

2. Đổi mật khẩu

VEAM khuyến nghị Quý Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi nhận được thông tin đăng nhập (tối thiểu) bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu, nên truy cập vào hệ thống để tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để **đảm bảo bảo mật thông tin**.

TRANG CHỦ	BIỂU QUYẾT - BẦU CỬ	ỦY QUYỀN	TÀI LIỆU ĐẠI HỘI	LIVESTREAM	LIÊN HỆ	ĐỔI MẬT KHẨU
-----------	---------------------	----------	------------------	------------	---------	--------------

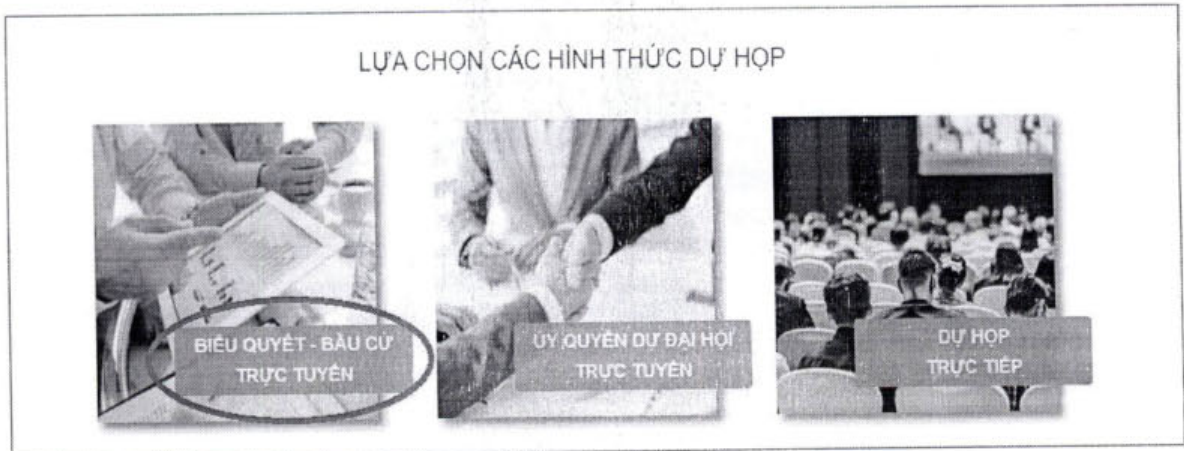
Mật khẩu cũ

Mật khẩu mới

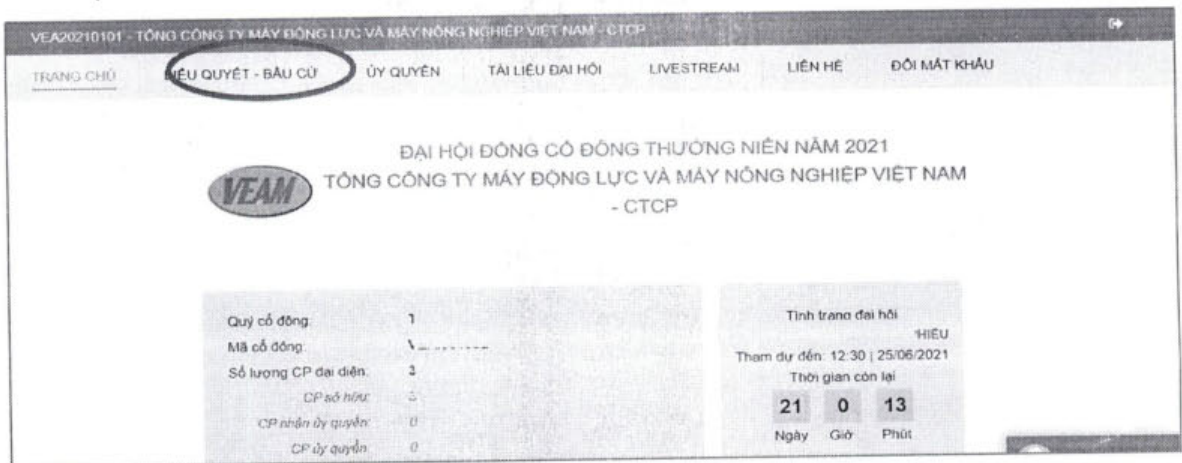
Mật khẩu nhập lại

Đổi mật khẩu

3. Biểu quyết



Hoặc



Sau khi đăng nhập, Quý Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền thực hiện tích chọn “Biểu quyết – Bầu cử trực tuyến”

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của VEAM có 04 (bốn) lần biểu quyết theo nội dung chương trình Đại hội đã được gửi đến Quý Cổ đông và công bố trên website của VEAM.

BIỂU QUYẾT LẦN THỨ 1				
Số lượng cổ phiếu đại diện : 3				
Tiêu đề nội dung	Nội dung	<input type="checkbox"/> Tán Thành	<input type="checkbox"/> Không tán thành	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
Nội dung 01	Thông qua thành phần Đoàn chủ tịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02	Thông qua thành phần Ban thư ký	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03	Thông qua thành phần Ban kiểm phiếu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04	Thông qua Chương trình họp ĐHCĐ thường niên 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05	Thông qua Quy chế tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

BIỂU QUYẾT [Hướng dẫn biểu quyết]

BIỂU QUYẾT LẦN THỨ 2

Số lượng cổ phiếu đại diện : 3

Tiêu đề nội dung	Nội dung	<input type="checkbox"/> Tán Thành	<input type="checkbox"/> Không tán thành	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
Nội dung 01	Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của VEAM	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02	Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03	Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04	Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

BIỂU QUYẾT

[Hướng dẫn biểu quyết]

BIỂU QUYẾT LẦN THỨ 3

Số lượng cổ phiếu đại diện : 3

Tiêu đề nội dung	Nội dung	<input type="checkbox"/> Tán Thành	<input type="checkbox"/> Không tán thành	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
Nội dung 01	Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02	Thông qua Báo cáo số 381/BC-HĐQT ngày 03/6/2021 về hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03	Thông qua Báo cáo số 04/BC-BKS ngày 03/6/2021 về hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04	Thông qua các Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán theo Tờ trình số 322/TTr-HĐQT ngày 03/6/2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05	Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Tờ trình số 323/TTr-HĐQT ngày 03/6/2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06	Thông qua việc phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020, thông qua Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của HĐQT và BKS theo Tờ trình số 324/TTr-HĐQT ngày 03/6/2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07	Thông qua việc mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT theo Tờ trình số 325/TTr-HĐQT ngày 03/6/2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08	Thông qua việc niêm yết cổ phiếu VEAM theo Tờ trình số 326/TTr-HĐQT ngày 03/6/2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09	Thông qua Danh sách công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 theo Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 03/6/2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>



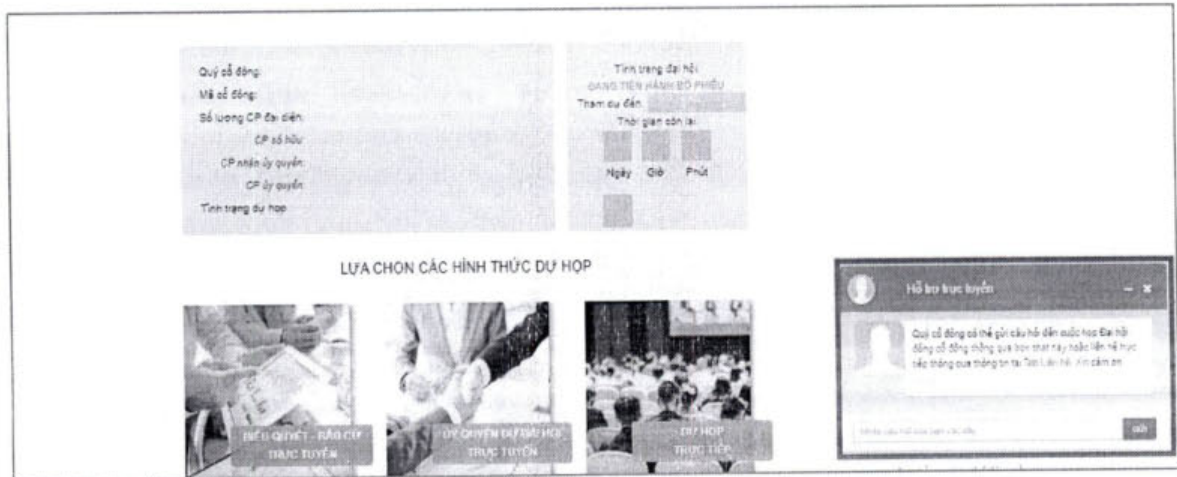
BIỂU QUYẾT

[Hướng dẫn biểu quyết]

Với các nội dung biểu quyết, Quý cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền tích chọn vào 1 trong 3 ô: "tán thành", "không tán thành" hoặc "không có ý kiến", sau đó Quý Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền thực hiện nhấn “Biểu quyết”, hệ thống sẽ ghi nhận và lưu lại kết quả của Quý Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền.

Lưu ý: Quý Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền có thể thay đổi kết quả biểu quyết của mình cho đến khi Chủ tọa thông báo kết thúc thời gian biểu quyết tại cuộc họp.

4. Thảo luận



Quý Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền vui lòng gửi câu hỏi thảo luận tại hòm tư “Hỗ trợ trực tuyến” phía dưới cùng, bên phải màn hình.

5. Các tính năng khác bao gồm

a) Tính năng livestream: Trong thời gian diễn ra cuộc họp, Quý Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền có thể theo dõi diễn biến tình hình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của VEAM tại tab Livestream.

b) Liên hệ: Mọi ý kiến thắc mắc hoặc cần trợ giúp kỹ thuật, Quý Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền xin vui lòng liên hệ với Ban tổ chức theo thông tin tại tab Liên hệ.

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Thời gian: từ 07 giờ 30 ngày 25 tháng 6 năm 2021 (thứ Sáu).
- Hình thức: **Họp trực tuyến và biểu quyết trực tuyến (bỏ phiếu điện tử).**

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
1	07h30÷08h00	- Đăng ký đại biểu, cổ đông. - Kiểm tra tư cách cổ đông.	- Ban tổ chức. - Ban KT TCCĐ.
2	08h00÷08h10	- Chào cờ. - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.	MC
3	08h10÷08h15	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2021.	Trưởng Ban KT TCCĐ
4	08h15÷08h30	Thông qua các nội dung: - Thành phần Đoàn chủ tịch; - Thành phần Ban thư ký; - Thành phần Ban kiểm phiếu; - Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2021; - Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2021. (Biểu quyết lần thứ nhất)	Chủ tịch HĐQT
5	08h30÷08h50	Trình bày tờ trình thông qua các nội dung: - Điều lệ tổ chức và hoạt động của VEAM; - Quy chế nội bộ về quản trị công ty; - Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; - Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. (Thảo luận và Biểu quyết lần thứ hai)	Thành viên Đoàn Chủ tịch
6	08h50÷09h20	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.	Tổng giám đốc
7	09h20÷09h35	Báo cáo hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021.	Chủ tịch HĐQT
8	09h35÷09h50	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021.	Trưởng Ban Kiểm soát
9	09h50÷10h00	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.	Ban Kiểm phiếu

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
10	10h00÷10h30	Trình bày tờ trình thông qua các nội dung: - Các Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; - Phân phối lợi nhuận năm 2020; - Quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 và Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của HĐQT và Ban kiểm soát; - Mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT; - Niêm yết cổ phiếu VEAM; - Danh sách công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.	Thành viên Đoàn Chủ tịch
11	10h30÷11h00	Đại hội thảo luận.	Đoàn Chủ tịch
12	11h00÷11h10	Bỏ phiếu biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo và các tờ trình tại Đại hội. (Biểu quyết lần thứ ba)	Cổ đông
13	11h10÷11h20	<i>Nghỉ giải lao</i>	
14	11h20÷11h30	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các báo cáo và các tờ trình tại Đại hội.	Ban Kiểm phiếu
15	11h30÷11h45	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội. (Biểu quyết lần thứ tư)	Ban Thư ký
16	11h45÷11h50	Bế mạc Đại hội.	Chủ tịch HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Hải

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2021

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) bằng hình thức trực tuyến (ĐHĐCĐ trực tuyến).

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia cuộc họp, điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 2. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Điều kiện tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến

Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ của VEAM hoặc được ủy quyền hợp lệ tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ của VEAM.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đủ điều kiện khi tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ VEAM, Quy chế nội bộ về quản trị của VEAM, quy định cụ thể tại Quy chế, Phụ lục kèm theo Quy chế này và các tài liệu hướng dẫn của VEAM.

b) Trong thời gian tiến hành cuộc họp, các cổ đông hoặc người được ủy quyền phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

c) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp hợp lệ tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc, thực hiện hoàn tất thủ tục theo hướng dẫn, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình họp ĐHĐCĐ đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

d) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp họp lệ có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện hạ tầng và thiết bị phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin để tham gia họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

Điều 3. Đoàn chủ tịch

1. Đoàn chủ tịch gồm Chủ tọa (là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền họp lệ), các thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đoàn Chủ tịch điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ và làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

a) Điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để cuộc họp ĐHĐCĐ diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự;

b) Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để ĐHĐCĐ biểu quyết;

c) Điều hành thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

d) Trả lời hoặc chỉ định người trả lời những vấn đề do cổ đông hoặc người được ủy quyền yêu cầu nằm trong chương trình họp ĐHĐCĐ;

đ) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị VEAM quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp; báo cáo trước cuộc họp và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành.

Điều 5. Ban Thư ký

1. Ban thư ký do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung cuộc họp;

b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông và người được ủy quyền dự họp khi được yêu cầu.

Điều 6. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, người được ủy quyền dự họp hợp lệ;
- b) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban thư ký;
- c) Thực hiện các việc khác của Ban kiểm phiếu tại cuộc họp.

Chương III

TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 7. Điều kiện tiến hành cuộc họp

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông và người được ủy quyền hợp lệ tham dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông.

Điều 8. Biểu quyết tại phiên họp

Nguyên tắc biểu quyết: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ đều được biểu quyết thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông và người được ủy quyền dự họp theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP và Phụ lục kèm theo quy chế này.

Điều 9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
2. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định và lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Chương IV

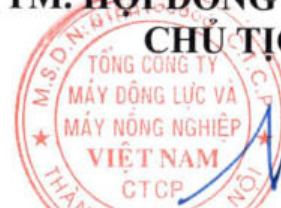
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy chế này gồm 10 điều được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và là cơ sở để Đại hội đồng cổ đông tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, PC, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Hải

PHỤ LỤC: HƯỚNG DẪN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ
(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) theo hình thức trực tuyến (ĐHĐCĐ trực tuyến) và bỏ phiếu điện tử của cổ đông và đại diện được ủy quyền hợp lệ tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. **“Đại biểu”** là cổ đông và đại diện được ủy quyền hợp lệ tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến của VEAM.

2. **“ĐHĐCĐ trực tuyến”** là cuộc họp ĐHĐCĐ trong đó VEAM sử dụng hệ thống bỏ phiếu điện tử, cho phép các đại biểu từ những địa điểm khác nhau có thể thực hiện bỏ phiếu bằng hệ thống bỏ phiếu điện tử.

3. **“Bỏ phiếu điện tử”** là việc các đại biểu kết nối internet và thực hiện biểu quyết/bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do VEAM quy định và thông báo.

4. **“Hệ thống bỏ phiếu điện tử”** là hệ thống cung cấp cho các đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến.

5. **“Yếu tố định danh”** là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.

6. **“Xác thực”** là kiểm tra, xác minh các thông tin của đối tượng có đúng là những thông tin mà đối tượng cung cấp, hoặc khai báo.

7. **“Bầu dồn đều”** là cách thực hiện của phương thức bầu dồn phiếu mà đại biểu dồn số phiếu cho 01 (một) ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ không được tính.

8. **“Bầu ghi số”** là cách thực hiện của phương thức bầu dồn phiếu mà đại biểu sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của đại biểu đại diện.

9. **“Sự kiện bất khả kháng”** là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập đại hội, không thể lường trước và khắc phục được, mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi cho phép.

Điều 3. Điều kiện, cách thức tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Điều kiện tham dự:

Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ của VEAM hoặc được ủy quyền hợp lệ tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ của VEAM.

2. Cách thức tham dự:

a) Đại biểu sử dụng thiết bị điện tử có kết nối được mạng internet bao gồm nhưng không giới hạn: máy tính, điện thoại di động, các thiết bị điện tử khác có kết nối được internet, đảm bảo tính bảo mật và tương thích hệ thống.

b) Mỗi cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ của VEAM được cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến. Cổ đông phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đối với tên đăng nhập và mật khẩu truy cập. VEAM không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.

c) Cổ đông không tham dự ĐHĐCĐ của VEAM có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo quy định tại Điều lệ VEAM. Trong trường hợp người được ủy quyền không là cổ đông của VEAM, VEAM sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập riêng cho đại diện được ủy quyền. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về VEAM, đại diện được ủy quyền có trách nhiệm kiểm tra, cập nhật và bảo mật thông tin do VEAM cung cấp.

d) Đại biểu có thể đăng nhập Hệ thống bỏ phiếu điện tử kể từ thời điểm chính thức bắt đầu mở Hệ thống bỏ phiếu điện tử để thực hiện các quyền của mình. Đại biểu được chính thức ghi nhận tham dự họp ĐHĐCĐ khi thực hiện xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 4. Cung cấp thông tin đăng nhập vào hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được cung cấp trong Thông báo mời họp đối với cổ đông VEAM hoặc email đối với đại diện được ủy quyền hợp lệ. Đại biểu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã cung cấp và có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cung cấp.

2. Yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập:

Trong trường hợp đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, đại biểu liên hệ với Ban tổ chức Đại hội theo thông tin trong thư mời họp để được hướng dẫn. Đại biểu có nghĩa vụ cung cấp lại thông tin cá nhân để xác thực.

3. VEAM khuyến nghị đại biểu truy cập vào hệ thống, tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để đảm bảo bảo mật thông tin ngay khi nhận được thông tin đăng nhập, bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của đại biểu khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

Đại biểu tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến được biểu quyết, bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ của VEAM.

1. Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Kết quả bỏ phiếu của đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử được coi là quyết định cuối cùng của đại biểu. Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước VEAM về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

2. Đại biểu phải thông báo ngay cho VEAM để kịp thời xử lý khi phát hiện tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với VEAM để thực hiện khóa tên truy cập. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro xảy ra cho đến thời điểm việc khóa tên truy cập được hoàn tất.

Điều 6. Cách thức ghi nhận đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

Tại thời điểm Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo kết quả công khai tại cuộc họp ĐHĐCĐ, đại biểu được chính thức ghi nhận dự họp ĐHĐCĐ của VEAM là khi đại biểu thực hiện xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc biểu quyết/bầu cử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 7. Thực hiện Ủy quyền

1. Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Giấy ủy quyền được thực hiện theo quy định của Pháp luật dân sự về ủy quyền;

b) VEAM nhận được Giấy ủy quyền hợp lệ, bản chính (theo mẫu Giấy ủy quyền gửi kèm Thư mời họp ĐHĐCĐ hoặc Giấy ủy quyền trực tuyến được in từ hệ thống bỏ phiếu điện tử) trước lúc đại hội khai mạc chính thức theo thông báo mời họp;

c) Giấy ủy quyền bản chính được gửi về địa chỉ:

**Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông VEAM;
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
(VEAM)**

Lô D, Khu D1, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội

2. Hủy bỏ ủy quyền:

a) Đại biểu gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền cho VEAM trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian VEAM nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền.

b) Hủy bỏ ủy quyền không có hiệu lực nếu đại diện được ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ nội dung nào trong Chương trình họp ĐHĐCĐ.

Điều 8. Thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Việc thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến do Đoàn chủ tịch và Ban Tổ chức đại hội điều phối, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ VEAM.

2. Đại biểu có thể gửi câu hỏi cho VEAM bằng các hình thức sau:

- a) Thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử khi tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến;
- b) Thông qua địa chỉ email: daihoicodongveam@veamcorp.com;
- c) Gửi thư về địa chỉ:

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông VEAM

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM)

Lô D, Khu D1, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội.

Ban Thư ký đại hội có trách nhiệm lưu lại tên đại biểu, mã đại biểu (nếu có) và nội dung câu hỏi.

Điều 9. Nguyên tắc và cách thức thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Kể từ thời điểm nhận được tên và mật khẩu đăng nhập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, đại biểu có quyền truy cập và biểu quyết/bầu cử các nội dung trong chương trình họp ĐHĐCĐ. Kết thúc thời gian bỏ phiếu quy định trên thông báo của hệ thống bỏ phiếu điện tử, hệ thống sẽ không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ các đại biểu.

2. Đại biểu bỏ phiếu biểu quyết theo từng nội dung trong chương trình họp. Khi biểu quyết đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” trên phiếu biểu quyết đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau khi hoàn thành biểu quyết tất cả nội dung cần biểu quyết tại một lần biểu quyết, đại biểu nhấn “**Biểu quyết**” để lưu và gửi kết quả về hệ thống.

3. Đại biểu bỏ phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 10 phụ lục này.

4. Đại biểu có thể thay đổi ý kiến biểu quyết, bầu cử nhiều lần nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết/ bầu cử. Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết/bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc thời gian bỏ phiếu từng lần theo quy định.

Điều 10. Thực hiện bầu cử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử

1. Đại biểu tiến hành bầu cử thông qua phiếu điện tử tương tự như cách ghi phiếu bầu cử trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Theo đó:

a) Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều số phiếu cho một số ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô trống tại ô “Bầu dồn đều” của các ứng viên tương ứng.

b) Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô trống tại cột “Số phiếu bầu” tương ứng với tên ứng viên được bầu cử.

c) Sau khi nhập xong phiếu bầu cử, đại biểu nhấn “**Bầu cử**” để lưu và gửi kết quả bầu cử đến hệ thống. Đại biểu có quyền thay đổi kết quả bầu cử. Kết quả bầu cử được ghi nhận là kết quả bầu cử được lưu trên hệ thống cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử theo quy định.

2. Các phiếu bầu sau đây được coi là không hợp lệ:

a) Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên HĐQT/BKS được ĐHĐCĐ thông qua.

b) Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của đại biểu vượt quá tổng số phiếu bầu được ghi trên phiếu bầu cử.

c) Phiếu bầu cử được hệ thống ghi nhận khi đã hết thời gian biểu quyết bầu cử theo quy định.

d) Đối với các phiếu bầu không hợp lệ, hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ có cảnh báo đến đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Đại biểu có trách nhiệm điều chỉnh phiếu bầu cho hợp lệ. Hệ thống không ghi nhận phiếu bầu không hợp lệ và đại biểu được coi là không tham gia bỏ phiếu bầu cử.

Điều 11. Cách thức kiểm phiếu

1. Phiếu biểu quyết của mỗi đại biểu đều được hệ thống ghi nhận theo: số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến.

2. Đối với nội dung bầu cử, hệ thống ghi nhận số phiếu bầu cử cho từng ứng viên của các đại biểu tham gia bỏ phiếu.

Điều 12. Các sự kiện bất khả kháng

1. Trong thời gian tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của VEAM, gây ảnh hưởng tới cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến như thiên tai, hỏa hoạn, mất điện, mất kết nối đường truyền internet hoặc các sự cố kỹ thuật khác, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác..., khi đó VEAM huy động tối đa mọi nguồn lực để khắc phục các sự cố và tiếp tục đại hội, nhưng thời gian không quá 60 phút kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng.

2. Trường hợp các sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục để đại hội có thể diễn ra tiếp tục sau thời gian 60 phút, cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được hoãn theo quy định pháp luật./.

Số: 319/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty
Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các
hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14
ngày 26/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài
chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại
chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và
Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày
29/6/2020,

Dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và
Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP đã được Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung
phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của Tổng công ty (*Dự
thảo Điều lệ đính kèm*).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa
đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và
Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP, Điều lệ này là cơ sở pháp lý để điều hành
hoạt động Tổng công ty tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật
Chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Hải



DỰ THẢO

MỤC LỤC
PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA VEAM

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của VEAM

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của VEAM

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VEAM

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của VEAM

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của VEAM

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị VEAM

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành VEAM

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VEAM

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN VEAM

Điều 52. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA VEAM

Điều 53. Dấu của VEAM

XVIII. GIẢI THỂ VEAM

Điều 54. Giải thể VEAM

Điều 55. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ VEAM

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 25 tháng 6 năm 2021.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “*VEAM*” là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP;
- b) “*Công ty mẹ*” là Công ty trong quan hệ Công ty mẹ - Công ty con, khi VEAM đầu tư vốn tại các Công ty con;
- c) “*Công ty con*” là các Công ty được tổ chức dưới hình thức Công ty TNHH một thành viên và Viện Công nghệ do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoặc Công ty cổ phần mà Công ty mẹ nắm quyền chi phối hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật;
- d) “*Đơn vị trực thuộc*” là các Nhà máy, Chi nhánh, Ban quản lý thuộc Công ty mẹ;
- đ) “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- e) “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- g) “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung (nếu có) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- h) “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- i) “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- k) “*Ngày thành lập*” là ngày VEAM được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;
- l) “*Người điều hành VEAM*” hoặc “*người điều hành*” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng VEAM;

m) “*Người quản lý doanh nghiệp*” bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng VEAM;

n) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o) “*Người có quan hệ gia đình*” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

p) “*Cổ đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

q) “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết;

r) “*Thời hạn hoạt động*” là thời gian hoạt động của VEAM được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

s) “*Sở giao dịch chứng khoán*” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con của Sở giao dịch chứng khoán;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của VEAM

1. Tên doanh nghiệp:

- Tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

- Tiếng Anh: VIETNAM ENGINE AND AGRICULTURAL MACHINERY CORPORATION

- Tên viết tắt: VEAM

- Biểu tượng:



Logo là hình elíp, nền màu xanh, ở giữa có chữ VEAM màu đỏ, in hoa

2. VEAM là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của VEAM:

- Địa chỉ: Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

- Điện thoại: (84) 024.62800802

- Fax: (84) 024.62800809

- E-mail: office@veamcorp.com

- Website: www.veamcorp.com

4. VEAM có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của VEAM phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của VEAM bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của VEAM

1. VEAM có một người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo quy định của pháp luật.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VEAM

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của VEAM

1. Ngành, nghề kinh doanh của VEAM:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821 (Chính)
2	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
3	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
4	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
5	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
6	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599

7	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
9	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
10	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
11	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
12	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
13	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy; Bán lẻ mô tô, xe máy; Đại lý mô tô, xe máy	4541
14	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
15	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
16	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
17	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
18	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
19	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
20	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
21	Sản xuất máy luyện kim	2823
22	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
23	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
24	Đúc sắt, thép	2431
25	Đúc kim loại màu	2432
26	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
27	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
28	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
29	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
30	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
31	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
32	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
33	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
34	Sửa chữa thiết bị điện	3314
35	Sửa chữa thiết bị khác	3319
36	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
37	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

38	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
39	Lắp đặt hệ thống điện	4321
40	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
41	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
42	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
43	Khai thác quặng sắt	0710
44	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
45	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
46	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác	4662
47	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
48	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
49	Dịch vụ ăn uống khác	5629
50	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
51	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn hóa chất công nghiệp (trừ hóa chất nhà nước cấm); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: hạt, bột, bột nhão; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (trừ hóa chất nhà nước cấm)	4669
52	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa không chuyên doanh loại nào.	4690
53	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
54	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
55	Xây dựng nhà để ở	4101
56	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
57	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649

58	Xây dựng nhà không để ở	4102
59	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác Sản xuất xe có động cơ	2910
60	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng (bao gồm cả xi măng đen và xi măng trắng)	4663
61	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
62	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
63	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
64	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
65	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
66	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản	6820
67	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
68	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
69	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng đã được đăng ký trong nội dung đăng ký kinh doanh của VEAM.	8299
70	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ điện công trình dân dụng, công nghiệp; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp	7110
71	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
72	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
73	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214

74	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
75	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
76	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất gạch không nung từ nguyên liệu cát đá xi măng	2395

2. Mục tiêu sản xuất, kinh doanh của VEAM

a) Gia tăng giá trị cho vốn góp của cổ đông, mang lại lợi ích cho người lao động, cộng đồng; nâng cao giá trị cuộc sống; góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

b) Xây dựng VEAM trở thành một doanh nghiệp lớn mạnh của Việt Nam, lấy sản xuất, kinh doanh máy động lực, máy nông nghiệp, ô tô, xe máy, công nghiệp hỗ trợ làm trụ cột chính; Giữ vững và duy trì vị thế là doanh nghiệp lớn trên thị trường Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh máy động lực, máy nông nghiệp;

c) Nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; tăng trưởng doanh thu, giảm chi phí và có lợi nhuận ngày càng cao trên cơ sở đổi mới tổ chức, phương thức kinh doanh, cơ chế quản lý và điều hành, nâng cao năng lực kỹ thuật, công nghệ, nguồn nhân lực, tổ chức hợp lý và quản lý tốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh, tối đa hóa giá trị lợi ích cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của VEAM

VEAM được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của VEAM là 13.288.000.000.000 đồng (bằng chữ: mười ba nghìn, hai trăm tám mươi tám tỷ đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của VEAM được chia thành 1.328.800.000 (một tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, tám trăm ngàn) cổ phần, với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.

2. VEAM có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của VEAM vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi cho người lao động khi cổ phần hoá. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. VEAM có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong VEAM. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của VEAM quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. VEAM có thể mua cổ phần do chính VEAM đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do VEAM mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị được quyết định chào bán trong trường hợp Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan cho phép thực hiện.

7. VEAM có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của VEAM được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của VEAM hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của VEAM, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho VEAM chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được VEAM cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của VEAM được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của VEAM.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ cổ phần được quy định tại khoản 2 Điều này hoặc pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của VEAM phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới tối thiểu là 7 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của VEAM phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của VEAM gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ VEAM, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong VEAM;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có liên quan có quy định khác;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ VEAM, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi VEAM giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại VEAM;

h) Yêu cầu VEAM mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp VEAM có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do VEAM công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VEAM;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VEAM khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VEAM; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến VEAM chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2, Điều 25 Điều lệ này làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi VEAM dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được VEAM hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong VEAM phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VEAM trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ VEAM và Quy chế quản lý nội bộ của VEAM.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được VEAM cung cấp theo quy định tại Điều lệ VEAM và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được VEAM cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VEAM dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với VEAM.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VEAM. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM, đặc biệt thông qua báo cáo tài

chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của VEAM có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, VEAM phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của VEAM dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của VEAM.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VEAM;

b) Báo cáo tài chính quý, 06 (sáu) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất 1/2 (một nửa) so với số đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

đ) Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành VEAM vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền đại diện VEAM triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục

triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được VEAM hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của VEAM;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VEAM;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VEAM;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho VEAM và cổ đông VEAM;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể VEAM;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị VEAM; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của VEAM, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của VEAM;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của VEAM, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của VEAM khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ VEAM;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi VEAM;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) VEAM và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của VEAM;

q) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) VEAM ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VEAM;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị VEAM, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VEAM).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp VEAM nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại

đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của VEAM không bị thay đổi khi VEAM phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 05 (năm) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. VEAM phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VEAM niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của VEAM. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông,

thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- e) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến VEAM chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VEAM, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số

cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, VEAM phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, VEAM cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp VEAM áp dụng công nghệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, VEAM có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý VEAM;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VEAM;

đ) Tổ chức lại, giải thể VEAM.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VEAM.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VEAM, trừ các trường hợp:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ VEAM;
- b) Định hướng phát triển VEAM;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VEAM;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể VEAM.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về VEAM phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến VEAM bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VEAM phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về VEAM phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về VEAM sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VEAM. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của VEAM trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VEAM.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VEAM.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VEAM, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, VEAM phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VEAM để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VEAM nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới VEAM và các bên có liên quan của VEAM;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ VEAM;
- g) VEAM phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% (bảy mươi phần trăm) đến dưới 80% (tám mươi phần trăm) được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% (tám mươi phần trăm) đến dưới 90% (chín mươi phần trăm) được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ

đồng thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 2 Điều này không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ VEAM, Quy chế nội bộ về quản trị VEAM và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của VEAM tối thiểu 05 (năm) năm;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị VEAM có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị của VEAM không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của VEAM; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty mẹ.

5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của VEAM.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của VEAM không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của VEAM phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. VEAM hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của VEAM để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có tối thiểu là 02 (hai) thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

5. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 25 Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý VEAM, có toàn quyền nhân danh VEAM để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của VEAM, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của VEAM;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của VEAM;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VEAM trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng VEAM và các chức danh khác theo Điều lệ và quy chế VEAM; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của

những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VEAM;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VEAM, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể VEAM; yêu cầu phá sản VEAM;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị VEAM sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của VEAM;

r) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

s) Chỉ định và bãi nhiệm những người được VEAM ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của VEAM;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. VEAM có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VEAM theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp,

được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VEAM và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được VEAM mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ VEAM.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ VEAM. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm

chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VEAM; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ VEAM quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VEAM.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban; trường hợp tỷ lệ biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng tiểu ban.

2. Việc thực thi nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ VEAM, Quy chế nội bộ về quản trị VEAM.

Điều 32. Người phụ trách quản trị VEAM

1. Hội đồng quản trị của VEAM phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị VEAM để hỗ trợ công tác quản trị VEAM tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị VEAM có thể kiêm nhiệm làm Thư ký VEAM theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị VEAM không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VEAM.

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị VEAM khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị VEAM tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị VEAM có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa VEAM và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của VEAM;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của VEAM phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của VEAM. VEAM có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành VEAM

1. Người điều hành VEAM bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, VEAM được tuyển dụng Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của VEAM do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành VEAM phải có trách nhiệm để hỗ trợ VEAM đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của VEAM theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VEAM và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VEAM; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM, cụ thể:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VEAM; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm 05 (năm) năm trở lên trong quản trị kinh doanh về lĩnh vực hoạt động của VEAM.

d) Trường hợp nếu là người đại diện phần vốn nhà nước tại VEAM, ngoài việc các quy định trên, Tổng Giám đốc còn phải đáp ứng các điều kiện và quy định của pháp luật liên quan đến người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VEAM mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của VEAM;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VEAM;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong VEAM, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong VEAM, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;

k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của VEAM (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của VEAM theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của VEAM;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ VEAM và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Chương IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 1 Điều này không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ VEAM, Quy chế nội bộ về quản trị VEAM và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của VEAM là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của VEAM;

b) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VEAM trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VEAM;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của VEAM.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VEAM; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của VEAM, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của VEAM, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VEAM của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của VEAM lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của VEAM trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VEAM.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VEAM theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VEAM.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của VEAM.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của VEAM.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa VEAM, công ty con, công ty khác do VEAM nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, VEAM phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Giao dịch giữa VEAM với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng

quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. VEAM bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VEAM là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, nhân viên hoặc đại diện được VEAM ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của VEAM, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của VEAM trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. VEAM có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VEAM

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ VEAM, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm,

báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VEAM.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của VEAM, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của VEAM vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. VEAM phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ VEAM phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM.

Chương XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành VEAM.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của VEAM với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VEAM và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của VEAM.

2. VEAM không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, VEAM phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp VEAM đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, VEAM không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền VEAM đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. VEAM mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, VEAM có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. VEAM tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà VEAM mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của VEAM bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán VEAM sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. VEAM lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của VEAM.

3. VEAM sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam. Trường hợp VEAM có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. VEAM phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. VEAM công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VEAM.

3. VEAM phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

VEAM phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI

KIỂM TOÁN VEAM

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của VEAM cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của VEAM.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của VEAM được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của VEAM.

Chương XVII

DẤU CỦA VEAM

Điều 53. Dấu của VEAM

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của VEAM, chi nhánh, văn phòng đại diện của VEAM (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII

GIẢI THỂ VEAM

Điều 54. Giải thể VEAM

1. VEAM có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể VEAM trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể VEAM, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của VEAM hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được VEAM ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VEAM.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt VEAM trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VEAM trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của VEAM;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản này được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của VEAM, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VEAM, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với VEAM;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ VEAM

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của VEAM chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của VEAM.

Chương XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP nhất trí thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này thay thế Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 29 tháng 6 năm 2020.

3. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VEAM.

4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của VEAM.

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ VEAM có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Phan Phạm Hà

Số: 320/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VEAM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty
Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các
hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14
ngày 26/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài
chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại
chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và
Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM),

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VEAM đã được Hội
đồng quản trị sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tế
hoạt động của Tổng công ty (*Dự thảo Quy chế đính kèm*).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội
bộ về quản trị công ty của VEAM nhằm nâng cao năng lực quản trị Tổng công
ty, là cơ sở pháp lý để điều hành hoạt động Tổng công ty tuân thủ các quy định
của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và ủy quyền Hội đồng
quản trị ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Hải



DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ... ngày... tháng... năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP, bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là Quy chế nội bộ về quản trị VEAM) quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ VEAM và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. "VEAM" là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

2. "ĐHĐCĐ" là Đại hội đồng cổ đông VEAM.

3. "*ĐHĐCĐ trực tuyến*" là ĐHĐCĐ sử dụng hệ thống thiết bị điện tử bao gồm cả phần cứng và phần mềm cho phép người sử dụng từ nhiều điểm cầu khác nhau có thể thực hiện bỏ phiếu biểu quyết và/hoặc trao đổi thông tin, hình ảnh, âm thanh đa chiều tùy theo phạm vi và hình thức do Hội đồng quản trị VEAM quyết định.

4. "*HĐQT*" là Hội đồng quản trị VEAM.

5. "*Cổ đông lớn*" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VEAM.

6. "*Người quản lý doanh nghiệp*" hoặc "*Người quản lý*" là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng VEAM.

7. "*Người điều hành VEAM*" hoặc "*Người điều hành*" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng VEAM.

8. "*Người phụ trách quản trị VEAM*" là người hỗ trợ công tác quản trị công ty được quy định tại Điều lệ của VEAM và Quy chế này.

9. "*Quy chế công bố thông tin của VEAM*" là Quy chế do HĐQT ban hành nhằm tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin đối với công ty đại chúng. Trường hợp có các quy định của pháp luật yêu cầu về công bố thông tin mà Quy chế công bố thông tin chưa được bổ sung, cập nhật, sửa đổi đầy đủ, thì phải tuân thủ theo yêu cầu của pháp luật. Quy chế công bố thông tin của VEAM được công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM.

10. "*Công bố thông tin*" là việc công bố thông tin theo quy định của Quy chế công bố thông tin của VEAM. Trường hợp trong Quy chế này quy định công bố thông tin mà không nói rõ theo Quy chế công bố thông tin của VEAM thì được hiểu là công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM.

11. "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

12. "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

13. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ VEAM.

Chương II **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 15 Điều lệ VEAM.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ và thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ

a) HĐQT có thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.

b) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ VEAM.

c) Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định nêu tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ VEAM trong thời hạn 30 ngày tiếp theo.

d) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của VEAM có quyền đại diện VEAM triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ VEAM.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

a) Nghị quyết của HĐQT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ được công bố tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng kí cuối cùng trên trang thông tin điện tử của VEAM.

b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải được gửi cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), Sở giao dịch chứng khoán, báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ

a) Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VEAM niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.

b) Công bố thông tin họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo Quy chế công bố thông tin của VEAM.

5. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ

Chương trình và các tài liệu chuẩn bị cho họp ĐHĐCĐ được chuẩn bị theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ VEAM và được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của VEAM và được cập nhật sửa đổi, bổ sung (nếu có) theo quy định cho tới khi kết thúc họp ĐHĐCĐ, gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;

- Phiếu biểu quyết;

- Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp theo quy định tại Điều 16 Điều lệ VEAM.

6. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều lệ VEAM.

7. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ

a) Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo mời họp.

b) Khi tham dự cuộc họp, cổ đông hoặc người được ủy quyền phải xuất trình các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp;

- Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

- Bản chính giấy ủy quyền (đối với trường hợp người được ủy quyền dự họp). Việc ủy quyền cho người đại diện họp ĐHĐCĐ phải thực hiện theo Điều 16 Điều lệ VEAM.

c) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết được cấp các tài liệu sau:

- Tài liệu họp;

- Một thẻ biểu quyết có đóng dấu VEAM. Trên thẻ biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông. Thẻ biểu quyết được cổ đông sử dụng để biểu quyết những nội dung cần thông qua ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Phiếu biểu quyết có đóng dấu VEAM. Trên phiếu biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông. Phiếu biểu quyết được cổ đông sử dụng để biểu quyết những nội dung cần thông qua bằng hình thức bỏ phiếu. Số lượng phiếu biểu quyết tùy thuộc vào các nội dung cần biểu quyết, có thể tích hợp thành một hoặc nhiều phiếu biểu quyết.

- Phiếu bầu cử thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát có đóng dấu VEAM trong trường hợp ĐHĐCĐ có bầu thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát.

8. Điều kiện tiến hành:

a) Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a của khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong

thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b của khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ VEAM;
- Định hướng phát triển VEAM;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VEAM;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể VEAM.

10. Cách thức bỏ phiếu

Việc bỏ phiếu thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử vào thùng phiếu, trừ khi ĐHĐCĐ quyết định sử dụng công cụ điện tử trong việc biểu quyết và điều kiện kỹ thuật cho phép.

11. Cách thức kiểm phiếu

a) Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu chịu trách nhiệm về việc kiểm phiếu. Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ chuẩn bị bộ phận giúp việc với các công cụ hỗ trợ trong đó có hỗ trợ kiểm phiếu điện tử sử dụng mã vạch, hệ thống biểu quyết trực tuyến để việc kiểm phiếu được thuận tiện chính xác.

b) Nếu nội dung căn biểu quyết được tách riêng rẽ, thì các phiếu biểu quyết được tập hợp riêng trước khi tiến hành kiểm phiếu theo từng ý kiến biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”.

c) Đại hội có thể bầu nhân sự giám sát quá trình kiểm phiếu.

d) Kết quả kiểm phiếu có tất cả chữ ký của các thành viên ban kiểm phiếu.

12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

a) Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước cổ đông tại ĐHĐCĐ sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

b) Biên bản kiểm phiếu được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của VEAM trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua.

13. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý VEAM;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VEAM;
- Tổ chức lại, giải thể VEAM.

b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a của khoản này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

c) Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VEAM.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định của ĐHĐCĐ có thể gửi văn bản, ghi rõ họ tên, mã số dự họp, nội dung, lý do phản đối. Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm tập họp và ghi nhận các văn bản phản đối.

b) Cổ đông phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại VEAM hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ VEAM, có quyền yêu cầu VEAM mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VEAM trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

15. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

a) Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- Chương trình và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

b) Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập thêm bằng tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

c) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

e) Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký/chữ ký điện tử của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ dưới dạng bản cứng/bản mềm tại trụ sở chính của VEAM.

16. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin theo quy định tại Quy chế công bố thông tin VEAM.

Điều 5. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy vì lợi ích của VEAM, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 4 Quy chế này.

2. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ thực hiện theo khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 22 Điều lệ VEAM.

3. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ và thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tuyến

a) HĐQT VEAM quyết định hình thức họp ĐHĐCĐ trực tuyến, lựa chọn hệ thống giải pháp công nghệ phục vụ họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến, phù hợp với quy mô cổ đông của VEAM, tình hình xã hội tại thời điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ và phải đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích của cổ đông dự họp. Thông báo được công bố chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của VEAM và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VEAM niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

b) Thông báo họp phải kèm thông tin hướng dẫn cụ thể liên quan tới sử dụng hệ thống thiết bị, giải pháp công nghệ phục vụ tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến

a) Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo mời họp trực tuyến.

b) Đối với họp ĐHĐCĐ trực tuyến, khi tiến hành đăng ký cổ đông, các tài liệu như quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy chế này được cung cấp và thực hiện theo hình thức và phương thức điện tử đảm bảo tính bảo mật và khả năng xác thực định danh của cổ đông/đại diện được uỷ quyền; đảm bảo khả năng tham gia biểu quyết trực tuyến.

c) Việc kiểm tra tư cách cổ đông trên hệ thống trực tuyến sử dụng các phương thức định danh điện tử đảm bảo tính bảo mật và khả năng xác thực định danh của cổ đông/đại diện được uỷ quyền.

3. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến

Cổ đông thực hiện uỷ quyền theo hướng dẫn đối với trường hợp họp ĐHĐCĐ trực tuyến. Cổ đông có thể gửi trước thông tin về việc uỷ quyền cho Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc.

4. Điều kiện tiến hành

Điều kiện để tiến hành họp ĐHĐCĐ bằng hội nghị trực tuyến tương tự như điều kiện để tiến hành họp ĐHĐCĐ bằng hình thức biểu quyết trực tiếp quy định tại khoản 8 Điều 4 Quy chế này.

5. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hội nghị trực tuyến tương tự như hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bằng biểu quyết trực tiếp quy định tại khoản 9 Điều 4 Quy chế này.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

Biểu quyết trực tuyến, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử được thể hiện dưới dạng điện tử đảm bảo tính bảo mật và khả năng xác thực định danh của cổ đông/đại diện được uỷ quyền; đảm bảo khả năng thống kê, kiểm phiếu được thuận tiện và chính xác; đảm bảo khả năng lưu trữ kết quả và hậu kiểm khi cần thiết.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

a) Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu chịu trách nhiệm về việc kiểm phiếu. Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ chuẩn bị bộ phận giúp việc với các công cụ kiểm phiếu trực tuyến để việc kiểm phiếu được thuận tiện chính xác.

b) Nếu nội dung cần biểu quyết được tách riêng rẽ, thì các phiếu biểu quyết được tập hợp riêng trước khi tiến hành kiểm phiếu theo từng ý kiến biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”.

c) Đại hội có thể bầu nhân sự giám sát quá trình kiểm phiếu.

d) Kết quả kiểm phiếu có tất cả chữ ký của các thành viên ban kiểm phiếu.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thông báo kết quả kiểm phiếu họp ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tuyến thực hiện tương tự như thông báo kết quả kiểm phiếu họp ĐHĐCĐ bằng hình thức biểu quyết trực tiếp quy định tại khoản 12, Điều 4, Quy chế này.

9. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua

Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tuyến tương tự như điều kiện đề nghị quyết được thông qua bằng biểu quyết trực tiếp quy định tại khoản 13, Điều 4, Quy chế này.

10. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến tương tự như cách thức phản đối nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp quy định tại khoản 16, Điều 4, Quy chế này.

11. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

Lập biên bản họp ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tuyến tương tự như lập biên bản họp ĐHĐCĐ bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp quy định tại khoản 15, Điều 4, Quy chế này.

12. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin theo quy định tại Quy chế công bố thông tin VEAM.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp trực tuyến

a) HĐQT VEAM quyết định hình thức họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến, lựa chọn hệ thống giải pháp công nghệ phục vụ họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến, phù hợp với quy mô cổ đông của VEAM, tình hình xã hội tại thời điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ và phải đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích của cổ đông dự họp. Thông báo được công bố chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của VEAM và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VEAM niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

b) Thông báo họp phải kèm thông tin hướng dẫn cụ thể liên quan tới sử dụng hệ thống thiết bị, giải pháp công nghệ phục vụ tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến

a) Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo mời họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

b) Đối với họp ĐHĐCĐ trực tuyến, khi tiến hành đăng ký cổ đông, các tài liệu như quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy chế này được cung cấp và thực hiện theo hình thức và phương thức kết hợp trực tiếp và điện tử đảm bảo tính bảo mật và khả năng xác thực định danh của cổ đông/đại diện được uỷ quyền; đảm bảo khả năng tham gia biểu quyết trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

c) Việc kiểm tra tư cách cổ đông sử dụng các phương thức định danh điện tử đảm bảo tính bảo mật và khả năng xác thực định danh của cổ đông/đại diện được uỷ quyền.

3. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Cổ đông thực hiện uỷ quyền theo hướng dẫn đối với trường hợp họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Cổ đông có thể gửi trước thông tin về việc uỷ quyền cho Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc.

4. Điều kiện tiến hành

Điều kiện để tiến hành họp ĐHĐCĐ bằng hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến tương tự như điều kiện để tiến hành họp ĐHĐCĐ bằng hình thức biểu quyết trực tiếp quy định tại khoản 8, Điều 4, Quy chế này.

5. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến tương tự như hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bằng biểu quyết trực tiếp quy định tại khoản 9, Điều 4, Quy chế này.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tiếp kết hợp với trực tuyến

- Đối với các cổ đông tham gia họp trực tiếp: Cách thức bỏ phiếu được thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 4 của Quy chế này.

- Đối với các cổ đông tham gia họp trực tuyến: Cách thức bỏ phiếu được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 6 của Quy chế này.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tiếp kết hợp với trực tuyến

a) Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu chịu trách nhiệm về việc kiểm phiếu. Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ chuẩn bị bộ phận giúp việc với các công cụ hỗ trợ trong đó có hỗ trợ kiểm phiếu điện tử sử dụng mã vạch, hệ thống biểu quyết trực tuyến để việc kiểm phiếu được thuận tiện chính xác.

b) Nếu nội dung cần biểu quyết được tách riêng rẽ, thì các phiếu biểu quyết được tập hợp riêng trước khi tiến hành kiểm phiếu theo từng ý kiến biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”.

c) Đại hội có thể bầu nhân sự giám sát quá trình kiểm phiếu.

d) Kết quả kiểm phiếu có tất cả chữ ký của các thành viên ban kiểm phiếu.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Thông báo kết quả kiểm phiếu hợp ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự như thông báo kết quả kiểm phiếu hợp ĐHĐCĐ bằng hình thức biểu quyết trực tiếp quy định tại khoản 12, Điều 14, Quy chế này.

9. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua

Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến tương tự như điều kiện đề nghị quyết được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp, quy định tại khoản 13, Điều 4, Quy chế này.

10. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến tương tự như cách thức phản đối nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp, quy định tại khoản 16, Điều 4, Quy chế này.

11. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Lập biên bản họp ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến tương tự như lập biên bản họp ĐHĐCĐ bằng hình thức biểu quyết trực tiếp, quy định tại khoản 14, Điều 4, Quy chế này.

12. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin theo quy định tại Quy chế công bố thông tin VEAM.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý VEAM, có toàn quyền nhân danh VEAM để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của VEAM, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ VEAM và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của VEAM;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của VEAM;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VEAM trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương đối với Tổng Giám đốc VEAM; báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

k) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng VEAM;

l) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương đối với Chủ tịch Công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên các công ty TNHH một thành viên do VEAM nắm giữ 100% vốn điều lệ và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT theo Quy chế nội bộ do HĐQT ban hành;

m) Cử Người đại diện phần vốn của VEAM tại các doanh nghiệp, công ty có vốn góp của VEAM theo quy chế nội bộ do HĐQT ban hành;

n) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VEAM;

o) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VEAM, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

q) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

r) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

s) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể VEAM; yêu cầu phá sản VEAM;

t) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị VEAM sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của VEAM;

u) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

v) Chỉ định và bãi nhiệm những người được VEAM ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của VEAM;

x) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. HĐQT phải báo cáo ĐHCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

a) Số lượng thành viên HĐQT là 07 (bảy) người.

b) Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của VEAM không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

c) Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

d) Điều lệ VEAM quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập HĐQT

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

a) Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên HĐQT. Tổng số thành viên độc lập HĐQT tối thiểu là 02 thành viên.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm ít nhất 05 năm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của VEAM và không nhất thiết phải là cổ đông của VEAM;

- Thành viên HĐQT VEAM có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;

- Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của VEAM;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Điều lệ VEAM.

c) Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho VEAM hoặc công ty con của VEAM; không phải là người đã từng làm việc cho VEAM hoặc công ty con của VEAM ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ VEAM, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của VEAM; là người quản lý của VEAM hoặc công ty con của VEAM;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của VEAM;

- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát của VEAM ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Điều lệ VEAM.

d) Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn khoản 2 Điều 25 Điều lệ VEAM thực hiện ứng cử, đề cử ứng viên như sau:

- Hồ sơ ứng viên:

+ Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

+ Trình độ học vấn;

+ Trình độ chuyên môn;

+ Quá trình công tác;

+ Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);

+ Lợi ích có liên quan tới VEAM và các bên có liên quan của VEAM;

+ Văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT;

+ Đối với nhóm cổ đông phải có danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử; văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông về việc đề cử thành viên HĐQT.

+ Và các thông tin khác liên quan (nếu có);

- Hồ sơ được gửi đến trụ sở chính của VEAM.

- Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

b) Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM tối thiểu là 10 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ.

c) Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ VEAM.

4. Cách thức bầu thành viên HĐQT

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp căn cứ số lượng thành viên độc lập HĐQT và thành viên không độc lập HĐQT cần bầu.

- Trong trường hợp phải chọn lựa giữa hai hoặc nhiều hơn ứng viên không độc lập HĐQT có số phiếu bầu ngang nhau thì thực hiện theo nguyên tắc sau:

+ Nếu ứng viên là cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều hơn cổ phần sẽ ưu tiên được chọn;

+ Nếu ứng viên không là cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm;

+ Nếu tất cả các tiêu chí chọn lựa ở điểm a và điểm b khoản này là giống nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

a) ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và điểm b, c, d khoản 2 Điều này;

- Có đơn từ chức và được sự chấp thuận;

- Trường hợp khác quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM.

b) ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM.

c) HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số lượng quy định tại Điều lệ VEAM. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

- Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

- Việc công bố thông tin về ứng viên HĐQT theo điểm b, khoản 3 nêu trên;

- Việc công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được thực hiện trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi thông qua kết quả bầu cử, hoặc có nghị quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

- Việc cung cấp thông tin về thành viên HĐQT mới theo quy định đối với người nội bộ tại Quy chế công bố thông tin VEAM được thực hiện theo Quy chế công bố thông tin VEAM.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

a) Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, thì HĐQT đương nhiệm sẽ đề cử thêm đủ số lượng. Nếu HĐQT không đề cử đủ số lượng, thì các cổ đông khác có quyền đề cử bổ sung.

b) Chủ tọa đại hội báo cáo xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua thủ tục giới thiệu thêm ứng viên trước khi tiến hành đề cử.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT

a) Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

b) Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ để triệu tập họp HĐQT.

Điều 10. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. VEAM trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của Thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng Thành viên

HĐQT theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ thường niên quyết định.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của VEAM theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VEAM và phải báo cáo ĐHĐCĐ thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một Thành viên HĐQT được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Các Thành viên HĐQT được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT. Chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của VEAM.

6. Thành viên HĐQT được VEAM mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của Thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ VEAM.

Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

a) Họp thường kỳ:

- Rà soát việc thực hiện các nghị quyết phiên họp kỳ trước và các nội dung thực hiện trong kỳ tới, bàn và thông qua các biện pháp chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động kỳ tới của HĐQT;

- Báo cáo của Ban Điều hành về các chỉ tiêu đạt được của hoạt động SXKD trong kỳ, so sánh với kế hoạch, trao đổi thống nhất chỉ đạo các nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện kế hoạch SXKD kỳ tới, các vấn đề điều hành khác nếu có;

- Báo cáo của Ban Kiểm soát về các nội dung kiểm tra giám sát trong kỳ, các vấn đề cần khắc phục, nhiệm vụ, kế hoạch kỳ tới;

- Báo cáo của Bộ phận kiểm toán nội bộ về các nội dung kiểm tra giám sát trong kỳ, các vấn đề cần khắc phục, nhiệm vụ, kế hoạch kỳ tới;

- Bàn và quyết định các vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.

b) Họp bất thường:

- Các cuộc họp bất thường sẽ thảo luận các nội dung của người đề nghị triệu tập cuộc họp;

- Nội dung của phiên họp bất thường do HĐQT quyết định hoặc do người đề nghị triệu tập phiên họp bất thường chuẩn bị, thông thường là để bàn và quyết định những vấn đề quan trọng và cấp bách của VEAM.

2. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ VEAM quy định.

3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VEAM; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ VEAM quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại VEAM.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

Các cuộc họp của HĐQT tiến hành tại trụ sở VEAM hoặc những địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam hoặc tại địa điểm khác do Chủ tịch HĐQT quyết định.

8. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ VEAM.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

11. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

12. Biên bản cuộc họp HĐQT

12.1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và/hoặc ghi âm, ghi hình (nếu cần thiết). Trong trường hợp ghi biên bản thì biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng Anh nếu có thành viên HĐQT là người nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, hình thức và/hoặc địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; thành viên biểu quyết bằng văn bản;
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa cuộc họp, người ghi biên bản và các thành viên HĐQT và đại diện Ban Kiểm soát (không tham gia biểu quyết), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

12.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, f, g và h khoản 12.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

12.3. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT, các thành phần ký biên bản cùng liên đới chịu trách nhiệm về nội dung, ý kiến của mình và sự thống nhất thông qua biên bản. Dự thảo biên bản họp HĐQT phải được gửi xin ý kiến các Thành viên HĐQT

thông qua email. Các Thành viên HĐQT có thể góp ý bằng cách sửa trực tiếp vào dự thảo hoặc bằng văn bản và gửi lại Văn phòng HĐQT trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được email xin ý kiến. Sau thời hạn này, nếu Thành viên HĐQT không có ý kiến thì coi như nhất trí với dự thảo biên bản.

Chủ tọa có trách nhiệm chuyển Biên bản cuộc họp của HĐQT cho các thành viên HĐQT được biết nội dung và kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó.

12.4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Văn phòng HĐQT của VEAM.

12.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì biên bản được lập bằng tiếng Việt được coi là bản gốc

13. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được gửi đến tất cả các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan bằng email và bản cứng.

Điều 12. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc HĐQT và từng thành viên trong tiểu ban:

a) Hoạt động của tiểu ban tuân thủ theo chỉ đạo của HĐQT.

b) HĐQT quy định chức năng, nhiệm vụ của từng tiểu ban, trách nhiệm của các trưởng tiểu ban, quy định thù lao hoạt động của các thành viên.

c) Thành viên các tiểu ban hoạt động theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, được bảo lưu ý kiến khi đưa ra xem xét tại cuộc họp của HĐQT.

d) Các tiểu ban thuộc HĐQT:

HĐQT có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ các hoạt động của HĐQT như sau: Tiểu ban chiến lược, Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban lương thưởng, Tiểu ban kiểm toán và các tiểu ban khác.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc HĐQT:

a) Số lượng, cơ cấu của các tiểu ban thuộc HĐQT:

- Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng ít nhất có ba (03) thành viên, gồm các thành viên là thành viên HĐQT và thành viên bên ngoài.

- Một thành viên HĐQT có thể tham gia nhiều tiểu ban.

- Trưởng tiểu ban, thành viên tiểu ban do HĐQT bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm.

b) Tiêu chuẩn của các tiểu ban thuộc HĐQT:

- Thành viên của tiểu ban chiến lược phải có năng lực hoạch định về chiến lược kinh doanh, đầu tư phát triển, có hiểu biết về quản lý và tài chính doanh

nghiệp. Khuyến khích bầu Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc làm trưởng tiểu ban chiến lược.

- Thành viên tiểu ban nhân sự phải nắm vững những nguyên tắc hoạt động của Công ty cổ phần, hiểu biết về luật doanh nghiệp, luật lao động. Tiểu ban nhân sự giúp HĐQT trong việc chuẩn bị nhân sự và xử lý các vấn đề liên quan đến nhân sự HĐQT, Ban Kiểm soát và các nhân sự thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, hoặc cho ý kiến chấp thuận của HĐQT. Khuyến khích Chủ tịch HĐQT làm Trưởng tiểu ban nhân sự.

- Thành viên tiểu ban lương thưởng phải nắm vững những nguyên tắc về kinh tế, tài chính, lao động, tiền lương. Khuyến khích thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc làm Trưởng tiểu ban lương thưởng.

- Thành viên tiểu ban kiểm toán phải nắm vững những nguyên tắc về hệ thống quản trị doanh nghiệp, pháp luật, tài chính, kế toán. Thành viên tiểu ban kiểm toán không được làm việc cho bộ phận kế toán, tài chính VEAM. Trưởng tiểu ban kiểm toán do thành viên HĐQT được HĐQT phân công phụ trách tài chính phụ trách.

c) Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:

Hoạt động của các tiểu ban được quy định tại chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban theo các Nghị quyết của HĐQT.

Điều 13. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị VEAM

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị VEAM:

a) Có trình độ hiểu biết về pháp luật; có kiến thức hoặc kinh nghiệm về quản trị doanh nghiệp;

b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VEAM;

c) Có kỹ năng giao tiếp tốt trong cả nói và viết;

d) Có kỹ năng để thực hiện vai trò thư ký VEAM theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị VEAM:

a) Người phụ trách quản trị VEAM do HĐQT bổ nhiệm. Số lượng: ít nhất 01 người;

b) Người phụ trách quản trị VEAM có thể kiêm nhiệm làm thư ký VEAM;

c) Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị VEAM do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm;

d) Người phụ trách quản trị VEAM ký hợp đồng lao động với người sử dụng lao động;

đ) HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý người phụ trách quản trị VEAM để hỗ trợ Người phụ trách quản trị VEAM trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Số

lượng Trợ lý người phụ trách quản trị VEAM do HĐQT quyết định. Trợ lý người phụ trách quản trị VEAM có thể làm nhiệm vụ kiêm nhiệm.

3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị VEAM:

a) HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị VEAM khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động;

b) Người phụ trách quản trị VEAM được miễn nhiệm khi có đơn xin thôi làm Người phụ trách quản trị VEAM và được HĐQT chấp thuận.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị VEAM:

a) Công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị VEAM được thực hiện trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có nghị quyết hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm;

b) Hình thức công bố thông tin được thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử VEAM và theo quy định của pháp luật.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị VEAM:

a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa VEAM và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của VEAM;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

Ngoài quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ VEAM, cụ thể:

1. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VEAM; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của VEAM, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của VEAM, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VEAM của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.

7. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của VEAM lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của VEAM trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VEAM.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

a) Ban Kiểm soát là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của VEAM, các quy định tại Quy chế này và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát chịu sự lãnh đạo trực tiếp của ĐHĐCĐ. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số các thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát;

b) Ban Kiểm soát có 3 (ba) thành viên trong đó có 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên không chuyên trách;

c) Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

d) Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của VEAM;

b) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VEAM trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Điều lệ VEAM. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

- Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

b) Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo điểm a khoản này vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ VEAM, Quy chế nội bộ về quản trị VEAM và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

a) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

b) Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ VEAM. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ VEAM.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

a) ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác do Điều lệ VEAM quy định.

b) ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VEAM;

- Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, VEAM phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của VEAM để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- Trình độ chuyên môn;

- Quá trình công tác;

- Các chức danh quản lý khác;

- Lợi ích có liên quan tới VEAM và các bên có liên quan của VEAM;

- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ VEAM;

- VEAM phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới VEAM của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

b) Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát:

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

b) Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VEAM theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VEAM.

Chương V **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo Điều 162 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VEAM và các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tổng Giám đốc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định của HĐQT, đảm bảo hoạt động hiệu quả của VEAM.

2. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ gần nhất về các quyết định đó.

3. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với quyết định của HĐQT nếu cho rằng quyết định này trái pháp luật. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT bằng văn bản.

4. Các quyết định của Tổng Giám đốc cần phải có sự phê duyệt của HĐQT theo quy định tại Điều lệ VEAM, Tổng Giám đốc gửi tờ trình đến HĐQT với thời hạn ít nhất bảy (07) ngày trước ngày dự định ra quyết định.

5. Trong trường hợp Tổng Giám đốc là người đại diện phần vốn nhà nước tại VEAM, Tổng Giám đốc đồng thời phải tuân thủ quy định của pháp luật đối với người đại diện phần vốn nhà nước.

Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại/ký lại hợp đồng với số nhiệm kỳ theo quy định tại các văn bản liên quan. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM, cụ thể:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VEAM; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm 5 (năm) năm trở lên trong quản trị kinh doanh về lĩnh vực hoạt động của VEAM;

d) Trong trường hợp là người đại diện phần vốn nhà nước tại VEAM, ngoài việc các quy định trên, Tổng Giám đốc còn phải đáp ứng các điều kiện và quy định của pháp luật liên quan đến người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

a) Bổ nhiệm:

Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của VEAM.

b) Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- Do nhu cầu công việc cần điều chuyển, luân chuyển nhân sự;
- Đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội;
- Hết thời hạn theo quy định tại Điều lệ VEAM;
- Không đảm bảo sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;
- Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ VEAM và pháp luật.

c) Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc vi phạm nội quy, quy chế của VEAM;
- Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ VEAM và pháp luật.

4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc

a) HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

b) Chấm dứt hợp đồng thuê Tổng giám đốc thực hiện theo quy định tại quy chế nội bộ của VEAM và điều khoản có liên quan của hợp đồng thuê Tổng giám đốc.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

a) Việc công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc được thực hiện trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có nghị quyết hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, hợp đồng thuê Tổng Giám đốc.

b) Việc cung cấp thông tin về người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc mới bổ nhiệm theo quy định đối với người nội bộ tại Quy chế công bố thông tin VEAM được thực hiện theo Quy chế công bố thông tin VEAM.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định.

Chương VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

HĐQT thông báo triệu tập các cuộc họp có sự tham gia của Ban Kiểm soát thực hiện theo Điều 11 của Quy chế này và mời Tổng Giám đốc tham dự trong trường hợp Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Ban Kiểm soát

HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết và biên bản cuộc họp HĐQT tới Ban Kiểm soát tương tự như đối với thành viên HĐQT.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết và biên bản cuộc họp HĐQT tới Tổng Giám đốc tương tự như đối với thành viên HĐQT.

4. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

a) Tổng Giám đốc có thể đề nghị tổ chức họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Có những hoạt động điều hành cần có nghị quyết phê duyệt hoặc chấp thuận của HĐQT mà lịch họp HĐQT định kỳ không đáp ứng được;

- Có các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động điều hành vượt quá thẩm quyền hoặc khả năng của Tổng Giám đốc;

- Có xung đột về quyền lợi và nghĩa vụ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc;

- Có các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan;

- Các trường hợp khác Tổng Giám đốc sau khi tham vấn ý kiến của Chủ tịch HĐQT và thống nhất cần triệu tập họp HĐQT để giải quyết.

b) Ban Kiểm soát có thể đề nghị tổ chức họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VEAM của thành viên HĐQT hoặc Người điều hành.

- Các trường hợp khác Ban Kiểm soát xét thấy hoạt động điều hành có biểu hiện hoặc nguy cơ gây thiệt hại, ảnh hưởng đến lợi ích cổ đông thì Trưởng Ban Kiểm soát sau khi tham vấn ý kiến của Chủ tịch HĐQT và thống nhất cần triệu tập họp HĐQT để giải quyết.

5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

a) Các nội dung báo cáo của Tổng Giám đốc luôn là một mục trong chương trình họp định kỳ của HĐQT.

b) Nội dung báo cáo của Tổng Giám đốc trong các cuộc họp định kỳ bao gồm kiểm điểm các công việc điều hành theo chức năng nhiệm vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ VEAM, kiểm điểm các mục tiêu, nhiệm vụ được giao theo nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT.

Kỳ họp đầu hoặc giữa của một quý sau khi có báo cáo tài chính quý trước thì Tổng Giám đốc báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý trước, dự kiến kế hoạch quý sau và cả năm.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết, quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

a) HĐQT phải tổ chức theo dõi một cách hệ thống việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết, quyết định của HĐQT. Các cuộc họp định kỳ phải có nội dung về kiểm điểm thực hiện nghị quyết.

b) HĐQT phải giám sát chặt chẽ các nội dung HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện, yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo tiến độ thực hiện và báo cáo khi hoàn thành.

7. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, Ban Kiểm soát

Ngoài các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo khi thực hiện các quy định tại các khoản 5 và khoản 6 Điều này, Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo các nội dung cụ thể sau:

a) Báo cáo dự kiến các kế hoạch chuyên môn để chuẩn bị cho việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trình ĐHĐCĐ hàng năm. Kế hoạch phải được lập và phê duyệt ngay từ đầu năm để không ảnh hưởng đến hoạt động và được điều chỉnh sau khi các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chính được ĐHĐCĐ thông qua.

- Kế hoạch doanh thu - chi phí, bao gồm kế hoạch tổng hợp, kế hoạch của các chi nhánh, kế hoạch kinh doanh Văn phòng VEAM, kế hoạch chi phí hoạt động Văn phòng VEAM, kế hoạch doanh thu tài chính.

- Kế hoạch đầu tư, sửa chữa, bao gồm kế hoạch của Văn phòng VEAM và các chi nhánh.

- Kế hoạch vốn và tài sản thể hiện biến động trong năm về vốn chủ sở hữu, các khoản nợ phải trả, các khoản mục tài sản chính như phải thu, tồn kho, đầu tư

tài chính dài hạn, tiền và tương đương,... Kế hoạch có thể thể hiện ở dạng bảng cân đối kế toán dự kiến hàng quý.

- Kế hoạch tuyển dụng, sử dụng, đào tạo.

- Kế hoạch tiền lương, tiền thưởng.

- Kế hoạch trích lập, sử dụng các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

b) Định kỳ các cuộc họp hàng quý, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT về tình hình thực hiện các kế hoạch quy định ở điểm a khoản này.

c) Tổng Giám đốc báo cáo xin ý kiến HĐQT thông qua kế hoạch và nội dung tổ chức các hội nghị sơ kết 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, tổng kết năm có sự tham gia của người quản lý vốn và đại diện lãnh đạo của các công ty có vốn góp của VEAM.

d) Các văn bản báo cáo gửi tới HĐQT cũng đồng thời gửi cho Ban Kiểm soát bằng hình thức gửi trực tiếp hoặc văn bản gửi kèm theo thư điện tử.

e) Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu cung cấp các thông tin hoạt động của VEAM theo quy định tại Điều lệ VEAM. Yêu cầu được gửi trực tiếp cho Tổng Giám đốc và Tổng Giám đốc chỉ đạo cung cấp thông tin và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

a) Trong thời gian giữa các kỳ họp HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát có thể chia sẻ, trao đổi thông tin lẫn nhau cũng như trao đổi với Tổng Giám đốc về tất cả những vấn đề liên quan đến hoạt động của VEAM, nhằm thực hiện đầy đủ và kịp thời chức trách nhiệm vụ được quy định đối với từng cá nhân thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát.

b) Các thông tin trao đổi, chia sẻ giữa các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc khi chưa có nghị quyết của HĐQT thì chưa phải là những yêu cầu bắt buộc phải thực hiện, nhưng Tổng Giám đốc và các cấp thừa hành cần phải lưu ý trao đổi, phản hồi thỏa đáng, để tránh những rủi ro trong hoạt động điều hành.

c) Các tiểu ban của HĐQT khi hoạt động cần phối hợp với các tiểu ban khác đối với những vấn đề liên quan hoặc trao đổi với các thành viên HĐQT khác để đảm bảo hiệu quả hoạt động của tiểu ban cũng như của HĐQT.

d) Tổng Giám đốc trong trường hợp cũng là thành viên HĐQT khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc phải luôn luôn ý thức được nhiệm vụ kiểm soát, chia sẻ thông tin, phối hợp hoạt động giữa các thành viên HĐQT trong vai trò thành viên HĐQT.

Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác

1. Đánh giá hoạt động

a) Hàng năm, căn cứ kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định của HĐQT và nhiệm vụ được phân công, HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

b) Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Thành viên Ban Kiểm soát.

c) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc là người đại diện phần vốn nhà nước tại VEAM ngoài việc đánh giá thực hiện chức trách nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này còn chịu sự kiểm điểm, đánh giá theo quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước.

d) Tiểu ban nhân sự của HĐQT chủ trì xây dựng tiêu chí đánh giá trình HĐQT ban hành quy chế đánh giá hoặc quyết định sử dụng tiêu chí đánh giá hàng năm phù hợp với từng điều kiện hoạt động cụ thể.

e) Việc đánh giá được phân loại theo 3 mức độ: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Khen thưởng

a) Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được khen thưởng từ quỹ khen thưởng của người quản lý theo Quy chế lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng VEAM.

b) Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng của HĐQT chủ trì xây dựng phương án khen thưởng hàng năm để trình HĐQT quyết định mức khen thưởng các đối tượng được khen thưởng từ quỹ khen thưởng của người quản lý.

c) Ngoài hình thức khen thưởng bằng tiền có thể có các hình thức khen thưởng phi vật chất khác do HĐQT và Tổng Giám đốc xem xét quyết định.

3. Xử lý vi phạm và kỷ luật

a) Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng vi phạm quy định đối với chức trách, nhiệm vụ của mình, vi phạm nội quy, quy chế của VEAM, không tuân thủ các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết HĐQT, hoặc vi phạm pháp luật thì bị xem xét kỉ luật. Hình thức kỷ luật gồm: khiển trách, cảnh cáo, bãi nhiệm.

b) HĐQT có thể ra nghị quyết bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; ra nghị quyết khiển trách, cảnh cáo đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; ra nghị quyết đề nghị Ban Kiểm soát xem xét xử lý kỷ luật thành viên Ban Kiểm soát; ra nghị quyết đề nghị ĐHĐCĐ xem xét bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát.

c) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc là người đại diện phần vốn nhà nước tại VEAM vi phạm kỷ luật mà bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì không bị xem xét kỷ luật theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này với cùng lỗi vi phạm.

Chương VII

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Hiệu lực thi hành

a) Quy chế này do ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp của ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 gồm 07 chương, 20 điều và có hiệu lực ngay sau khi được biểu quyết thông qua, thay thế Quy chế nội bộ về quản trị ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2020.

b) Văn bản sao y hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có giá trị.

2. Tổ chức thực hiện

a) HĐQT có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế.

b) Trong trường hợp pháp luật, Điều lệ VEAM có quy định liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có quy định sửa đổi, bổ sung khác so với những quy định tại Quy chế này thì áp dụng những quy định đó.

c) HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Hải

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ:	1
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.....	2
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm các nội dung chính sau đây:.....	2
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:	7
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:	7
Điều 7. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:.....	9
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT	11
Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT bao gồm các nội dung chính sau đây:	13
Điều 10. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT.....	16
Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT bao gồm các nội dung chính sau đây:.	16
Điều 12. Các tiểu ban thuộc HĐQT	17
Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị VEAM bao gồm các nội dung chính sau đây:	21
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT	22
Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát. 22	
Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát	23
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC.....	26
Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:.....	26
Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc: 26	
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC.....	28
Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:	28
Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác:	30
CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH	32
Điều 20. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện:	32